

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Công tác xã hội trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 19 ngày 26 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình Công tác xã hội trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Lâm nghiệp cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình Công tác xã hội trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Lâm nghiệp;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,00	4	80,00
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	6	85,71	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,00	4	80,00
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	5			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	3			
Tiêu chí 6.6	5				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	3				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,98	45	90



Phụ lục II

Kiểm nghị cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ đại học của Trường Đại học Lâm nghiệp, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và đáp ứng yêu cầu của sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng theo các nội dung về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, được định kỳ rà soát, được điều chỉnh và được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo có đủ thông tin, được cập nhật những vấn đề mới của lĩnh vực công tác xã hội và các yêu cầu của các cấp quản lý dựa trên ý kiến các bên liên quan cũng như tham khảo chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của các trường đại học khác. Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình dạy học được xây dựng theo quy định của Nhà trường, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT, có đủ thông tin cần thiết; được rà soát, được công bố công khai các bên liên quan đều có thể dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học với các học phần được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Tổ hợp các phương pháp dạy, học và phương pháp kiểm tra đánh giá người học được xác định phù hợp với tính chất, nội dung, yêu cầu của các học phần cụ thể. Các đề cương học phần trong chương trình dạy học đều ghi rõ các học phần tiên quyết, song hành hoặc các điều kiện khác, được bố trí giảng dạy vào các thời điểm thích hợp của khóa học để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy học phần. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật, được tham khảo, đối sánh với chương trình dạy học của một số cơ sở giáo dục đại học trong nước, hướng tới đảm bảo tính tích hợp và linh hoạt.

4. Triết lý giáo dục “Thực tiễn-sáng tạo-trách nhiệm-hiệu quả” được điều chỉnh và được công bố chính thức. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập được xác định, sử dụng nhằm rèn luyện các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu của người học. Các học phần đều yêu cầu người học tự đọc, nghiên cứu tài liệu. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp ở từng học phần nhằm hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học suốt đời.

5. Hệ thống các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định rõ ràng, được công khai tới sinh viên và giảng viên. Tổ

hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau được xác định tương thích với chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các phương pháp, công cụ sử dụng trong kiểm tra đánh giá học phần giúp đánh giá được mức độ đạt chuẩn đầu ra. Thời gian, địa điểm công bố điểm kiểm tra/thi phù hợp với các hình thức tổ chức kiểm tra/thi. Sinh viên được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập. Người học hài lòng về kết quả phản hồi và không có khiếu nại nào.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch, phát triển theo Chiến lược phát triển nhà trường đảm bảo về số lượng và trình độ, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu. Quy định tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được ban hành khá đầy đủ, được công bố công khai trên trang website của trường/Viện. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện cơ bản theo kế hoạch. Khối lượng công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên/nghiên cứu viên được xác định rõ ràng. Quy định hoạt động phục vụ cộng đồng thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp tới công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ làm việc tại Thư viện, Trung tâm Thí nghiệm-Thực hành được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng cơ bản rõ ràng. Kế hoạch, quy trình, tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và thực hiện đúng quy định. Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định, đánh giá theo quy trình, đảm bảo dân chủ, công khai. giảng viên, sinh viên hài lòng đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định dựa trên kết quả khảo sát hằng năm. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được xây dựng và thực hiện. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

8. Chính sách, quy định, tiêu chí, phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, được rà soát, điều chỉnh và công bố công khai. Hệ thống theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của sinh viên, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, tư vấn việc làm cho sinh viên được thiết lập. Các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên được triển khai đa dạng, phong phú. Môi trường cảnh quan sạch sẽ, môi trường học tập, làm việc an toàn, thân thiện đáp ứng tốt cho hoạt động học tập, sinh hoạt của sinh viên. Đặc biệt Nhà trường áp dụng công nghệ trong việc nhận diện khuôn mặt tại cổng khu ký túc xá để đảm bảo an toàn cho sinh viên. sinh viên, cựu sinh viên hài lòng với dịch vụ hỗ trợ, cảnh quan và môi trường tâm lý, xã hội.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được bố trí phù hợp, có đầy đủ trang thiết bị. Tỷ lệ diện tích/người học vượt ngưỡng quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Thư viện được thiết kế mở, thoáng mát, yên tĩnh có không gian đọc dành cho cán bộ, giảng viên và

cho sinh viên, có nội quy, hướng dẫn, có các trang thiết bị, có thư viện số được liên kết với thư viện một số trường đại học khác, có đầy đủ học liệu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tỷ lệ diện tích/chỗ ngồi đáp ứng quy định tại Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT. Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm được Nhà trường đầu tư đầy đủ, có các thiết bị đặc thù đáp ứng yêu cầu của CTĐT được duy trì hoạt động hiệu quả thông qua công tác bảo trì, nâng cấp định kỳ hỗ trợ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin vận hành ổn định, đảm bảo an toàn thông tin, được bảo trì và cập nhật, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đề án chuyển đổi số giai đoạn 2024-2030 được ban hành. Quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo và chương trình dạy học của Trường được thiết lập; được rà soát đánh giá và cải tiến phù hợp với quy định của pháp luật và sự phát triển của Trường. giảng viên, nghiên cứu viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo có nhiều kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng trong hoạt động dạy và học. Một số bài báo công bố trên các tạp chí khoa học, báo cáo khoa học có nội dung được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá và cải tiến. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định rõ ràng, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến. Chính sách đảm bảo chất lượng của Trường được cụ thể hoá bằng các văn bản của Trường trong đó có cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường đã thực hiện khá tốt việc giám sát, định kỳ thống kê, cập nhật số lượng sinh viên bị cảnh báo học tập, thôi học, tốt nghiệp trước và đúng hạn, tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên thuộc chương trình đào tạo. Tỷ lệ sinh viên thôi học thấp. Khoa và các đơn vị đã tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm. Tỷ lệ sinh viên tự tạo được việc làm phù hợp với ngành đào tạo khá cao đạt 23,0%. sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường. Nhà trường đã thực hiện một số khảo sát khác nhau về mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động của chương trình đào tạo và mức độ hài lòng đã được phân tích, đối sánh, đánh giá để xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, chương trình đào tạo còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, mục tiêu chương trình đào tạo, bổ sung làm rõ thêm sự phù hợp giữa mục tiêu của chương trình đào tạo với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu đào tạo trình độ đại học trong Luật Giáo dục đại học; rà soát chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện rõ nét hơn các yêu cầu về mức độ thành thạo của các hoạt động hỗ trợ, can thiệp... với các đối tượng yếu thế, thể hiện rõ nét tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp của viên chức ngành Công tác xã hội; xây dựng hệ thống chỉ báo (PIs) của các chuẩn đầu ra để thuận lợi cho việc đo lường, đánh giá mức đạt được chuẩn đầu ra.

2. Rà soát nội dung, cấu trúc của Bản mô tả chương trình đào tạo, bổ sung đầy đủ các thông tin cần thiết theo biểu mẫu của Nhà trường; rà soát tất cả các đề cương học phần của chương trình dạy học, bổ sung đầy đủ, chi tiết thông tin cần thiết theo quy định; điều chỉnh cách phát biểu các chuẩn đầu ra cô đọng, ngắn gọn, sử dụng các động từ phù hợp thuận tiện cho việc đo lường, đánh giá; bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo mới, nhất là các công trình công bố của giảng viên trong Trường; tập hợp các đề cương học phần của chương trình dạy học và đóng thành quyển để tránh thất lạc, thuận tiện cho nghiên cứu đề cương học phần của chương trình đào tạo.

3. Rà soát ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình dạy học; xây dựng thang đo phù hợp để đánh giá đúng mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; xây dựng căn cứ khoa học trong xác định mức đóng góp các học phần trong chương trình dạy học vào việc đạt chuẩn đầu ra; xây dựng cơ sở thực tế để xác định được nội dung, phương pháp giảng dạy các học phần thể hiện việc đạt được chuẩn đầu ra; thể hiện mức độ đóng góp của các hoạt động học tập và đạt chuẩn đầu ra.

4. Sử dụng triệt để các kết quả khảo sát thường niên đối với người học trong việc cải tiến, phát triển chương trình đào tạo; thiết lập mối quan hệ giữa tổ hợp các phương pháp giảng dạy được lựa chọn với chuẩn đầu ra để tăng thêm tính thuyết phục, tính rõ ràng về sự đóng góp của tổ hợp các phương pháp dạy học cho đạt chuẩn đầu ra; tổ chức phòng thực hành công tác xã hội, các câu lạc bộ mang tính nghề nghiệp để tạo sân chơi cho sinh viên học hỏi, giao lưu, sinh hoạt chuyên môn, trao đổi học thuật, giúp sinh viên có cơ hội học tập, phát triển nghề nghiệp ngoài giờ học chính thức; thành lập trung tâm chữa trị/can thiệp trẻ khuyết tật.

5. Phân tích kết quả điểm thi các học phần, các phương pháp thi ở từng học kỳ, phân tích phổ điểm, đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá làm cơ sở lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với từng học phần; sử dụng các công nghệ hiện đại để đánh giá định lượng độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi và phương pháp thi của học phần, tạo lập các câu hỏi thi/đề thi chuẩn hóa, tiến tới đo lường được chính xác mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên, đánh giá độ tin cậy của phương pháp đánh giá.

6. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ làm căn cứ đề xuất chính sách phát triển đội ngũ giảng viên/nghiên cứu viên của Trường phù hợp cho từng giai đoạn; xây dựng và thực hiện quy định về khối lượng công việc cụ thể (KPIs) về phục vụ cộng đồng; sử dụng phần mềm quản lý giảng viên/nghiên

cửu viên có các dữ liệu liên quan đến hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và tham gia công tác đào tạo bồi dưỡng; tăng cường bồi dưỡng giảng viên/nghiên cứu viên về phát triển chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá; phân tích, đánh giá, đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên để xác định mức độ đáp ứng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ làm căn cứ xây dựng chiến lược, chính sách phát triển khoa học công nghệ của Trường.

7. Bổ sung nội dung quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên trong Chiến lược phát triển và kế hoạch phát triển nhân sự trong từng giai đoạn; đa dạng hoá phương thức công khai thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên; xây dựng chính sách thu hút đội ngũ nhân viên; rà soát, cải tiến phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về năng lực và chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên phục vụ hỗ trợ; phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả khảo sát vào việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; quy định rõ khối lượng công việc của các vị trí việc làm; xây dựng kế hoạch công tác hàng năm, tạo cơ sở cho việc quản trị theo kết quả công việc; khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ nhân viên về việc quản trị/đánh giá theo kết quả công việc, về thi đua khen thưởng và công nhận, tạo động lực làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên.

8. Phân tích dữ liệu tuyển sinh để làm căn cứ điều chỉnh chính sách, tiêu chí, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu mỗi phương thức tuyển sinh; định kì khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh ngành đào tạo; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, nâng cao hiệu quả giám sát, cảnh báo và chỉ dẫn đối với sinh viên và các bên liên quan; rà soát, điều chỉnh phiếu khảo sát lấy ý kiến sinh viên, các bên liên quan về hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, môi trường tâm lý, xã hội cảnh quan; định kì khảo sát, mở rộng đối tượng, số lượng khảo sát; tách riêng kết quả khảo sát nên theo chương trình đào tạo.

9. Bố trí bàn làm việc riêng cho giảng viên để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho giảng viên trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học; bổ sung tài liệu học tập, nâng cấp trang thiết bị cho thư viện, trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành; đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cấp phần mềm quản lý và hạ tầng mạng; số hoá tài liệu, duy trì, nâng cao tỷ lệ dạy online; rà soát, điều chỉnh quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn, cập nhật các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; thiết kế bộ công cụ khảo sát về môi trường học tập, an toàn và sức khỏe, trong đó có nội dung riêng liên quan đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của các vị trí việc làm tại nơi sử dụng lao động làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo và chương trình dạy học; xây dựng quy trình, hướng dẫn cụ thể hoạt động thiết kế, phát triển đề cương chi tiết các học phần và chương trình dạy học, hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả ma trận chuẩn đầu ra và các học phần của chương trình dạy học trong việc xác định mục tiêu, chuẩn đầu

ra, nội dung học tập, phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; đánh giá sự tương thích và mức độ phù hợp các phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần; đa dạng hoá tiêu chí đánh giá hoạt động đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học; tách riêng kết quả đánh giá cho chương trình đào tạo; kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu khoa học chuyên ngành và nghiên cứu phát triển chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học của chính chương trình đào tạo đang được tổ chức đào tạo tại Trường; bổ sung các tiêu chí đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của hệ thống công nghệ thông tin, đánh giá đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin; tách riêng kết quả đánh giá cho chương trình đào tạo; tăng cường kết nối giữa các bên liên quan trong việc thu thập, xử lý, chia sẻ, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan, tách riêng kết quả khảo sát, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động dạy và học của chương trình đào tạo.

11. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để chức năng thống kê, báo cáo tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp và tính thời gian tốt nghiệp trung bình được thuận lợi; phân tích, tìm hiểu kỹ nguyên nhân tốt nghiệp chậm và có giải pháp hiệu quả để sớm khắc phục tình trạng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn thấp; đa dạng hình thức tư vấn hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm, tăng cường kiến thức thực tế và kỹ năng mềm cho sinh viên; nâng cao hơn nữa chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên qua việc điều chỉnh chính sách khuyến khích tinh thần, hỗ trợ kinh phí đối với sinh viên và trách nhiệm hướng dẫn của giảng viên; cải tiến, nâng cao chất lượng đối sánh các chỉ số kết quả đầu ra ở trong và ngoài Trường.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.